

BÁO CÁO THẨM TRA

**Các dự thảo nghị quyết về mức thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí
thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh trình kỳ họp thứ 3 - HĐND tỉnh khoá IX**

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh và trên cơ sở các tờ trình, dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh về mức thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh trình tại kỳ họp và ý kiến của các đại biểu dự họp, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

I. Về sự cần thiết và thẩm quyền

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính¹ về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII đã ban hành 08 Nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí, cụ thể:

(1) Nghị quyết số 56/2011/NQ-HĐND8 ngày 09/12/2011 về lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

(2) Nghị quyết số 57/2011/NQ-HĐND8 ngày 09/12/2011 về lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

(3) Nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND8 ngày 10/12/2014 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

(4) Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐND8 ngày 10/12/2014 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

(5) Nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐND8 ngày 10/12/2014 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

(6) Nghị quyết số 41/2014/NQ-HĐND8 ngày 10/12/2014 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

(7) Nghị quyết số 42/2014/NQ-HĐND8 ngày 10/12/2014 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

¹ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 và Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

(8) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND8 ngày 21/7/2015 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Ngày 25/11/2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua (*thay thế Pháp lệnh phí và lệ phí*); ngày 23/8/2016 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí (*thay thế Nghị định số 57/2002/NĐ-CP và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP*), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; ngày 11/11/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 250/2016/TT-BTC Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo Phụ lục số 01 danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí nêu trên. Đồng thời, Khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*”.

Do đó, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua các dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số phí, lệ phí nêu trên để thay thế các nghị quyết về phí, lệ phí đã ban hành sẽ hết hiệu lực vào ngày 01/01/2017 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. Về mức thu, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí

Theo quy định, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương. Các loại phí và lệ phí nêu trên là khoản thu ngân sách Nhà nước. Trong đó, tổ chức trực tiếp thu phí (*cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí và đơn vị sự nghiệp công lập*) được trích lại tỷ lệ phần trăm (%) để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước; cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì nộp 100% vào ngân sách nhà nước. Đối với lệ phí, cơ quan, đơn vị thu lệ phí phải nộp 100% vào ngân sách nhà nước.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy: Đề án thu phí, lệ phí được UBND tỉnh chỉ đạo các ngành xây dựng trên cơ sở rà soát, đánh giá cụ thể tình hình thực hiện thu, nộp và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí trong thời gian qua; qua đó xác định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ trích lại cho cơ quan thu phí. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung UBND tỉnh trình, cụ thể như sau:

1. Dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

a) Về tên gọi:

Việc đổi tên “*Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm*” thành “*Phí đăng ký giao dịch bảo đảm*” và “*Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm*” thành “*Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất*” là phù hợp với quy định của Luật phí và lệ phí.

b) Về mức thu và mức trích:

- Giữ nguyên mức thu như nghị quyết số 56/2011/NQ-HĐND8: Từ 20.000 đồng/hồ sơ đến 80.000 đồng/hồ sơ đối với phí đăng ký giao dịch bảo đảm và 30.000 đồng/hồ sơ đối với phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

- Tiếp tục thực hiện mức trích 85% số tiền thu được để chi cho hoạt động thu phí (đối với cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí và đơn vị sự nghiệp công lập); 15% nộp vào ngân sách nhà nước.

c) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 164/BC-STP ngày 08/11/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, theo thẩm quyền của HĐND tỉnh quyết định phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí. Vì vậy, để phù hợp giữa nội dung và hình thức của dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị: Gộp nội dung quy định từ Điều 1, Điều 2 và Điều 3 vào Điều 1 dự thảo nghị quyết, trong đó có 4 khoản: Khoản 1. Quy định về đối tượng nộp phí; khoản 2 quy định về các trường hợp được miễn, giảm nộp phí; khoản 3 quy định mức thu phí và khoản 4 quy định về tỷ lệ trích để lại.

2. Dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

a) Về mức thu và mức trích:

- Giữ nguyên mức thu như nghị quyết số 57/2011/NQ-HĐND8.

- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng là khoản thu ngân sách nhà nước, cơ quan thu lệ phí phải nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 163/BC-STP ngày 08/11/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

3. Dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a) Về tên gọi:

Việc điều chỉnh tên “*Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất*” thành “*Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là phù hợp với quy định của Luật phí và lệ phí.

b) Về mức thu và mức trích:

- Giữ nguyên mức thu như nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND8: Căn cứ vào quy mô diện tích đất cấp quyền sử dụng, đối tượng sử dụng (hộ gia đình, cá nhân, tổ chức) và mục đích sử dụng (làm nhà ở, để sản xuất, kinh doanh), mức thu thấp nhất là 100.000 đồng/hồ sơ và tối đa là 7.000.000 đồng/hồ sơ. Trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thì mức thu từ 50.000 đồng/hồ sơ (giá trị tài sản dưới 500 triệu đồng) đến 1.000.000 đồng/hồ sơ (giá trị tài sản từ 5 tỷ đồng).

- Tiếp tục thực hiện mức trích 80% số tiền thu được để chi cho hoạt động thu phí (đối với cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí và đơn vị sự nghiệp công lập); 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

c) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại công văn số 1246/STP-XDKT ngày 19/10/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, để phù hợp giữa nội dung và hình thức của dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chỉnh sửa nội dung quy định tại Điều 1 dự thảo như sau:

- Khoản 1 quy định về đối tượng nộp phí: Bổ sung nội dung: “*Không thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định)*”.

- Khoản 2 quy định về các trường hợp miễn, giảm nộp phí: Bỏ nội dung: “*Giảm nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân: mức thu bằng 70% đối với trường hợp giao đất cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân*” bởi vì mức thu này đã được quy định tại mục b khoản 3 của dự thảo Nghị quyết.

- Sửa Khoản 4 như sau: “*Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khoản thu ngân sách nhà nước. Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí và đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp thu phí sẽ được trích lại 80% để trang trải chi phí cho công tác thẩm định cấp quyền sử dụng đất và tổ chức thu phí theo quy định của pháp luật*”. Các nội dung còn lại quy định về cơ quan có nhiệm vụ thu phí, việc tổ chức thu phí, thanh, quyết toán...sẽ được cụ thể hoá bằng quyết định của UBND tỉnh.

4. Dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

a) Về tên gọi:

Việc điều chỉnh tên “*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*” thành “*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết*” và bổ sung “*phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung*” là phù hợp với quy định của Luật phí và lệ phí, Điểm b Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi

trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Về mức thu và mức trích:

- Về mức thu:

+ Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết: Giữ nguyên mức thu như nghị quyết số 38/2014/NQ-HĐND8, gồm 07 nhóm dự án theo tổng vốn đầu tư và lĩnh vực.

+ Đối với phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung: UBND tỉnh đề nghị mức thu tương đương theo nhóm 07 của phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Về quản lý và sử dụng phí: Nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

c) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 157/BC-STP ngày 04/11/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

5. Dự thảo nghị quyết về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí trong lĩnh vực tài nguyên nước.

a) Về nội dung:

So với nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh, dự thảo Nghị quyết quy định 05 loại phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép các loại, gồm: (1) Phí thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất; (2) phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất; (3) phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước dưới đất; (4) phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước; (5) phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ; bãi bỏ 03 loại lệ phí (Lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước) là phù hợp quy định của Luật phí và lệ phí.

b) Về mức thu và mức trích:

- Các mức thu phí được kế thừa mức thu tại nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐND8, đồng thời không vượt mức thu tối đa quy định tại Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016 của Bộ Tài chính về “sửa đổi bổ sung Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25/10/2006 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

- Đối với phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, bổ sung thêm mức thu đối với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 30.000 m³/ngày.đêm trong hoạt

động nuôi trồng thủy sản là 14.600.000 đồng/đề án, bằng mức thu quy định tại Thông tư số 94/2016/TT-BTC.

- Về quản lý và sử dụng phí: Nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

c) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 147/BC-STP ngày 26/10/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

6. Dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

a) Về mức thu và mức trích:

- Giữ nguyên mức thu như nghị quyết số 41/2014/NQ-HĐND8: Thấp nhất là 40.000 đồng/hồ sơ và tối đa là 300.000 đồng/hồ sơ.

- Tiếp tục thực hiện mức trích 80% số tiền thu được để chi cho hoạt động thu phí (đối với cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí và đơn vị sự nghiệp công lập); 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại các báo cáo số 155/BC-STP ngày 02/11/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

7. Dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

a) Về mức thu và mức trích:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất được quy định 03 nội dung: (1) *Cấp giấy chứng nhận mới*; (2) *Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận*; (3) *Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai*. Mức thu được giữ nguyên như nghị quyết số 42/2014/NQ-HĐND8.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất là khoản thu ngân sách nhà nước, cơ quan thu lệ phí phải nộp toàn bộ số tiền thu lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 158/BC-STP ngày 04/11/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

8. Dự thảo nghị quyết về mức thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương

a) Về mức thu và mức trích:

- Giữ nguyên đối tượng nộp lệ phí và mức thu lệ phí của nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND8, cụ thể: Cấp mới giấy phép lao động: 600.000 đồng/01 giấy phép và cấp lại giấy phép lao động: 450.000 đồng/01 giấy phép.

- Lệ phí cấp, cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên

địa bàn tỉnh Bình Dương là khoản thu thuộc Ngân sách nhà nước. Số tiền lệ phí thu được nộp 100% vào ngân sách nhà nước”.

b) Về dự thảo nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại các báo cáo số 144/BC-STP ngày 24/10/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

Ban Kinh tế-Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách về các dự thảo nghị quyết về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh trình kỳ họp thứ 3 - HĐND tỉnh khoá IX, kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban: KT-NS, VH-XH;
- LĐ Văn phòng;
- Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



(Signature)
Nguyễn Tâm Dương